**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN T**
**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31A/2017/DS-ST
Ngày 12/9/2017
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng C với bà Ch".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Hải

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

- *Thư ký phiên toà*: Bà Vi Thị Lan Phương, Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Kim Oanh, Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2017/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 64/2017/QĐST ngày 31/7/2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06 ngày 10/7/2017 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: số 1, phố L, phường H, quận H, thành phố H;

Do bà Vũ Thị Ngọc L - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền. (có mặt).

* Bị đơn: bà Thân Thị Ch - sinh năm 1966 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện T, Bắc Giang;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Dương Phi Th - sinh năm 1988 (vắng mặt)

- Chị Dương Thanh H - sinh năm 1991 (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện T, Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30 tháng 3 năm 2017, bản tự khai ngày 04/01/2017 và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Vũ Thị Ngọc L trình bày:

Ngày 07/11/2007 bà Thân Thị Ch, thôn Đ xã Đ huyện T, Bắc Giang có làm đơn xin vay vốn thuộc chương trình HSSV cho sinh viên Dương Phi Th và được Ngân hàng C (Ngân hàng C) huyện T phê duyệt cho vay.

Quá trình phát tiền vay của sinh viên Dương Phi Th được NH theo dõi vào mã món vay 6000001300136896 số tiền là 12.000.000 đồng lãi suất 0.5%/tháng, hạn trả nợ ngày 05/11/2011.

Ngày 08/11/2009 bà Thân Thị Ch tiếp tục làm giấy đề nghị vay vốn cho sinh viên thứ 2 là Dương Thanh H và được Ngân hàng C huyện T phê duyệt phụ lục giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ. Quá trình phát tiền vay của sinh viên Dương Thanh H được NH theo dõi vào mã món vay 6000001300126917 số tiền là 22.000.000 đồng lãi suất 0.65%/tháng, hạn trả nợ ngày 10/07/2016.

- Ngày 05/11/2011 bà Ch đem trả nợ số tiền gốc là 4.000.000 đồng mã món vay 6000001300136896 (anh Th); Dư nợ còn 8.000.000 đồng và bà Ch làm đơn đề nghị Ngân hàng C cho gia hạn số tiền gốc là 8.000.000 đồng của món vay 6000001300136896 và được Ngân hàng C phê duyệt kéo dài hạn trả nợ cuối cùng của món vay này đến ngày 12/09/2012. Tuy nhiên do hết thời gian gia hạn bà Ch vẫn không trả hết nợ.

- Ngày 12/09/2012 Ngân hàng C huyện T đã chuyển số tiền 8.000.000 đồng mã món vay 6000001300136896 sang nợ quá hạn, lãi suất 0.65%/tháng.

- Ngày 12/10/2012 bà Ch đem trả số tiền là 2.000.000 đồng mã món vay 6000001300136896. Dư nợ còn 6.000.000 đồng.

- Ngày 12/06/2013 bà Ch đem trả số tiền là 3.000.000 đồng mã món vay 6000001300136896. Dư nợ gốc quá hạn còn 3.000.000 đồng.

Tính đến ngày 12/06/2013 dư nợ gốc mã món vay 6000001300136896 (Sinh viên Dương Phi Th) là: 3.000.000đồng; món vay 6000001300126917 (HSSV H) là 22.000.000 đồng. Tổng dư nợ gốc chương trình HSSV là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn).

Ngày 12/03/2015 bà Ch mang tiền đến điểm Giao dịch xã trả nợ gốc chương trình cho vay HSSV; trong đó số tiền là 3.000.000 đồng cộng lãi phát sinh được thu vào món vay quá hạn (mã món vay 6000001300136896 sinh viên Dương Phi Th) số còn lại được thu vào món vay 6000001300126917 (HSSV H) số tiền gốc là 14.865.964 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc còn nợ chương trình HSSV của Bà Thân Thị Ch đến ngày 12/03/2015 là: 7.134.036 đồng và tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên do hết thời gian gia hạn bà Ch vẫn không trả hết nợ cho Ngân hàng C.

Ngày 12/07/2016 Ngân hàng C huyện T đã chuyển số tiền 7.134.036 đồng sang nợ quá hạn, lãi xuất 0.845%/tháng.

Như vậy tổng dư nợ chương trình HSSV của bà Thân Thị Ch thôn Đ xã Đ đến ngày 17/07/2017 còn nợ số tiền gốc là 7.134.036 đồng *(Bẩy triệu một trăm ba tư ngàn không trăm ba sáu đồng)* và lãi phát sinh mã món vay 6000001300126917 (HSSV Dương Thanh H).

Số tiền trên đã quá hạn lâu ngày nhưng bà Thân Thị Ch vẫn không trả nợ cho Ngân hàng C huyện T.

Bà Thân Thị Ch, anh Dương Phi Th, chị Dương Thanh H đã vi phạm hợp đồng tín dụng, dây dưa không trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T. Để thu hồi nợ cho Nhà nước, kính đề nghị Toà án nhân dân huyện T buộc bà Ch, ông Thường, bà H phải có trách nhiệm trả nợ ngay số tiền 7.134.036 đồng và tiền lãi phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T.

Tại phiên toà: bà L có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu bà Ch, anh Th và chị H phải trả số tiền cả gốc và lãi đến ngày 12/9/2017 là 8.834.854 đồng, đồng thời phải trả tiếp tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/6/2017, bị đơn là bà Thân Thị Ch trình bày:

Năm 2009, bà có vay vốn của Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện T số tiền 18.000.000 đồng thuộc chương trình cho vay học sinh sinh viên, lãi suất 0,65%/tháng, thời hạn vay 36 tháng. Mục đích vay để chi phí cho con gái bà là Dương Thanh H theo học cao đẳng du lịch. Trước khi vay số tiền 18.000.000 đồng nói trên thì bà có vay Ngân hàng C 02 khoản tiền khác là khoản vay 7.000.000 đồng thuộc chương trình cho vay hộ nghèo và khoản vay 12.000.000 đồng thuộc chương trình cho vay học sinh sinh viên đối với con trai bà là Dương Phi Th. Đối với 02 khoản vay này bà đã trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng C thông qua tổ trưởng tổ vay vốn Ngân hàng C thôn Đ là bà Nguyễn Thị H.

Năm 2013, khi đến hạn trả nợ khoản vay 18.000.000 đồng thì bà bắt đầu trả lãi hàng tháng cho NHCS, đến cuối năm 2013 bà mang số tiền gốc, lãi còn lại là 21.000.000 đồng đến điểm giao dịch Ngân hàng C xã Đại H để trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên, khi bà trả tiền thì cán bộ điểm giao dịch Ngân hàng C lại tự ý nhập số tiền 21.000.000 đồng này để trả vào 02 mã vay cũ trước với lý do bà còn nợ tổng số tiền hơn 7.000.000 đồng của 02 mã vay cũ, đến nay đã quá hạn, số tiền còn lại mới được trừ để trả vào mã vay 18.000.000đ. Như vậy bà vẫn còn nợ Ngân hàng C số tiền hơn 7.000.000 đồng. Bà không đồng ý trừ như vậy nhưng khi cán bộ điểm giao dịch giải thích là số tiền còn lại bà gặp bà H để đòi thì bà cũng không có ý kiến gì nữa. Nay bà xác định bà không nợ

Ngân hàng C khoản tiền nào nữa nên bà không đồng ý trả số nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu.

Bà xác nhận đã giao Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cho các con là Thường và H, nhưng do các con bà đều bận đi làm xa nên không đến Tòa án làm việc được.

Tại phiên toà: bà Ch vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Th, chị H nhưng không đến Tòa làm việc, hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Th, chị H.

Tại phiên tòa: anh Th và chị H đều vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Ngày 07/11/2007, Phòng giao dịch huyện T thuộc Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Bắc Giang (gọi là Ngân hàng) đã cho bà Thân Thị Ch, sinh năm 1966, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện T vay vốn với số tiền 12.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 05/11/2011. Ngày 08/11/2009, Ngân hàng lại cho bà Ch vay thêm làm 6 lần, tổng số tiền 22.000.000đ, hạn trả nợ là ngày 09/11/2016 nhưng đến ngày 30/3/2017 bà Ch vẫn còn nợ Ngân hàng 7.134.036đồng tiền gốc và 1.444.231đồng tiền lãi nên ngân hàng khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định. Tại phiên toà, bà Ch, anh Th và chị H vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên HĐXX xét xử vắng mặt bà Ch, anh Th và chị H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 07/11/2007, bà Ch đã ký nhận "Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ" số 71901040SV với Ngân hàng (tức mã món vay số 6000001300136896) để vay vốn cho con là Dương Phi Th đi học theo chương trình cho vay học sinh sinh viên, không có thế chấp, số tiền vay là 12.000.000đ, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 05/11/2011. Đến ngày 08/11/2009, bà Ch lại ký "Phụ lục Giấy đề nghị vay vốn" của khế ước 71901040SV trong đó đề nghị vay thêm số tiền 18.000.000đồng trong 03 năm học để cho người con thứ hai là sinh viên Dương Thanh H đi học, lãi suất ban đầu là 0,5%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/11/2016. Số tiền vay được giải ngân 2 lần/năm (tương ứng với mỗi kỳ học). Đến ngày 13/05/2011, khoản vay cho chị H được Ngân hàng tách ra khỏi khoản vay của anh Th và theo dõi với món vay mới là 6000001300126917. Với khoản vay này thì Ngân hàng đã giải ngân cho bà Ch 04 lần, mỗi lần 3.000.000đ, đến năm học cuối của chị H thì Ngân hàng nâng mức cho vay lên thành 10.000.000đ (mỗi kỳ 5.000.000đ), lãi suất 0,65%/tháng. Tổng cộng Ngân hàng đã cho bà Ch vay 12.000.000đ để anh Th đi học và 22.000.000đ để cho chị H đi học.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Ch đã nhiều lần trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, trong đó đã trả hết khoản vay 12.000.000đ cho anh Th, còn khoản vay cho chị H thì đến ngày 12/3/2015 bà Ch mới trả được 14.865.964 đồng tiền gốc, còn nợ 7.134.036đồng tiền gốc, riêng tiền lãi thì đã trả hàng tháng. Ngày 10/7/2016 (đã thỏa thuận lại thời hạn trả nợ cuối cùng), Ngân hàng đã chuyển số tiền 7.134.036 đồng sang nợ quá hạn với lãi suất 0,845%/tháng. Tính đến ngày 30/3/2017, bà Ch còn nợ số tiền gốc và lãi là 8.578.267 đồng dẫn đến Ngân hàng C phải khởi kiện. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

3. Về yêu cầu trả nợ của Ngân hàng C, HĐXX thấy: Ngân hàng C đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở bà Ch thanh toán số tiền đã vay của Ngân hàng nhưng bà Ch không trả nợ là vi phạm thời hạn, nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong khế ước (cụ thể là phụ lục Giấy đề nghị vay vốn ngày 08/11/2009). Bà C trình bày, lý do không đồng ý trả nợ Ngân hàng là do bà đã trả toàn bộ nợ gốc và lãi còn nợ của khoản vay đối với anh Th cho bà Nguyễn Thị H là tổ trưởng tổ vay vốn nhưng bà H không trả khoản tiền này cho Ngân hàng C, đến khi bà đến Ngân hàng trả tiền vào khoản vay của chị H thì Ngân hàng đã lấy số tiền này trả vào khoản vay cho anh Th (vì khoản vay này đã quá hạn từ lâu) dẫn đến hiện nay vẫn còn nợ khoảng hơn 7.000.000đ ở khoản vay của chị H. Đại diện Ngân hàng trình bày: khoản vay cho anh Th đã quá hạn nhưng bà Ch chưa trả hết nên khi bà Ch đi trả nợ thì Ngân hàng phải gán vào khoản quá hạn đó trước, còn lại mới trả vào khoản vay cho chị H. Như vậy, lời trình bày của đại diện Ngân hàng phù hợp với lời khai của bà Ch, bà Ch đã thừa nhận còn nợ

khoản vay cho chị H như phía Ngân hàng khởi kiện. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu bà Ch trả số nợ của món vay 6000001300126917 tính đến ngày 12/9/2017 là 8.834.854 đồng (trong đó có 7.134.036 đồng tiền gốc) và tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo "Phụ lục Giấy đề nghị vay vốn" của hợp đồng tín dụng số 71901040SV (tức mã món vay số 6000001300126917) ngày 08/11/2009 kể từ ngày 13/9/2017 cho đến khi trả xong số nợ trên là hoàn toàn có căn cứ và được chấp nhận theo quy định tại Điều 471; khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 357 Bộ luật dân sự.

Bà Ch không đồng ý trả tiền và đề nghị chờ bà H về để đối chất nhưng qua xác minh tại địa phương thì hiện nay không ai biết bà H ở đâu làm gì. Mặt khác, bà Ch không xuất trình được chứng cứ đã trả hết tiền nợ của khoản vay của anh Th cho bà H nên đề nghị của bà Ch không được chấp nhận. Cần buộc bà Ch phải trả nợ cho phía Ngân hàng. Sau này, nếu bà Ch khởi kiện đòi tiền bà H, sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

4. Về trách nhiệm trả nợ: Khi bà Ch đứng ra vay tiền thì anh Th có ký nhận là người thừa kế khoản vay, chị H chỉ là người được thụ hưởng tiền vay, còn chồng của bà đã mất (năm 1998) từ trước khi bà vay tiền. Bà Ch là mẹ của anh Th và chị H nên giữa bà và anh chị không có trách nhiệm liên đới. Do vậy, không buộc anh Th và chị H cùng trả nợ mà chỉ buộc bà Ch phải trả số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng C.

5. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của phía Ngân hàng được chấp nhận nên bà Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Số tiền án phí là 8.834.854 đồng x 5% = 441.742 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 357 Bộ luật dân sự;

Điều 30, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bà Thân Thị Ch.

Buộc bà Thân Thị Ch phải trả cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Bắc Giang số tiền cả gốc và lãi là 8.834.854 đồng (tám triệu tám trăm ba mươi tư nghìn tám trăm năm mươi tư đồng). Trong đó tiền gốc là 7.134.036 đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/9/2017 là 1.700.818 đồng.

Bà Thân Thị Ch tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo "Phụ lục Giấy đề nghị vay vốn" của hợp đồng tín dụng số 71901040SV (tức mã món vay số 6000001300126917) ngày 08/11/2009 kể từ ngày 13/9/2017 cho đến khi trả xong số nợ trên

2. Án phí: Bà Thân Thị Ch phải chịu 441.742 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thế Đăng**